

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 25 – 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Điều K, sinh ngày 05/5/1999 tại tỉnh Bình Phước.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xiêng; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 6/12.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Sóc Vàng, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Con ông Lâm S, sinh năm 1963 và bà Thị G, sinh năm 1972; Bị cáo có 04 chị em ruột, lớn sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Ngày 04/10/2023, có hành vi dùng dao chém Điều C gây thương tích 30%, xảy ra tại ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngày 01/12/2023, bị khởi tố và áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam. Đến ngày 11/12/2023 thì bắt được Điều K và tạm giam từ ngày 11/12/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Điều D, sinh ngày 28/02/2000 tại tỉnh Bình Phước.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xiêng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Con ông Điều M, sinh năm 1962 và bà Thị Y, sinh năm 1964; Bị cáo có 06 chị em ruột, lớn sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2002, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Sống như vợ chồng với Thị H, sinh năm 1996, có 01 con là Thị Thùy D, sinh năm 2021.

Tiền án: Không

Tiền sự: 01.

Ngày 10/10/2022 bị Chủ tịch UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng do có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 10/01/2023 đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã.

Ngày 04/10/2023, cùng với Điều K có hành vi dùng dao chém Điều C gây thương tích 30%, xảy ra tại ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngày 01/12/2023, bị khởi tố và áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam. Đến ngày 11/12/2023 thì bắt được Điều D và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Điều C, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước (.có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/10/2023, Điều D rủ Điều K đến quán thịt cây gần UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước để uống rượu. Quá trình ngồi uống rượu, K nói với D về việc trước đó K lấy trộm mũ cao su tại Nông trại cao su Hoàng T và bị ông Điều C làm bảo vệ phát hiện nên báo cho chủ Nông trại dẫn đến K bị đuổi việc nên Điều K rủ Điều D đi tìm đánh ông Điều C thì D đồng ý, đồng thời K hỏi D có vật gì mang theo để đánh ông C không thì D trả lời là nhà D có dao, nghe vậy K kêu D về nhà lấy dao thì D đồng ý. Sau đó D điều khiển xe mô tô, không biển kiểm soát chạy về nhà lấy dao, còn K ngồi chờ, khoảng 15 phút sau D quay lại và mang theo 01 con dao bằng kim loại, dài 50cm, cán dao làm bằng gỗ, dài 15cm được bọc bên ngoài bằng kim loại màu vàng đồng và đưa con dao cho K, K lấy con dao giấu vào trong áo phía trước ngực rồi Điều D điều khiển xe mô tô chở K ngồi phía sau đi tìm ông Điều C để đánh. Khi D chở K đến trước chòi bảo vệ Nông trại cao su Hoàng T thì gặp ông C nên D dừng xe lại ngồi trên xe, còn K xuống xe đi lại nói chuyện với ông C thì giữa K và ông C xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó K tiến về phía ông C dùng tay rút dao đang giấu trong áo ra chém về phía ông C, thấy vậy ông C đưa tay lên đỡ nên bị chém trúng vào cẳng tay trái, ngay lúc này ông C lấy cây rút ba khúc, bằng kim loại trong túi quần ra đánh lại K thì trúng vào tay trái và vai trái K. K tiếp tục vung dao chém về phía ông C thì ông C lao vào ôm tay K lại nên ông C bị chém trúng

vào vùng đầu. Sau đó K và ông C vật nhau dưới đất làm con dao văng ra ngoài, thấy vậy D chạy đến lấy con dao, K cũng đứng dậy chạy ra xe rồi D đưa con dao cho K cầm và điều khiển xe chở K đi về nhà, còn ông Điều C được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra Điều K, Điều D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 370/KLTTCT-TTPY ngày 07/11/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước, kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Điều C tại thời điểm giám định là: 30%.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 01 con dao bằng kim loại dài 50cm, trong đó: cán dao làm bằng gỗ dài 15cm, được bọc bên ngoài bằng kim loại màu vàng đồng; lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn, một cạnh sắc bén, dài 35cm, màu xám đen, độ rộng lớn nhất lưỡi dao 05cm.

- 01 cây rút ba khúc bằng kim loại dạng tròn dài 66cm, cán được bọc bằng xốp màu đen dài 23,6m, phần thân bằng kim loại dài 42,4cm, màu trắng bạc; đường kính đầu lớn nhất là 2,5cm, đường kính đầu nhỏ nhất là 1,5cm.

- 01 áo sơ mi màu trắng, dài tay, có họa tiết không rõ hình dạng sau lưng áo.

- 01 (một) quần sọt jean, màu đen, không nhãn hiệu.

- 01 áo thun, tay ngắn, màu đỏ, sọc ngang màu trắng đen, không nhãn hiệu.

Đề nghị xử lý vật chứng vụ án:

- 01 con dao bằng kim loại dài 50cm, trong đó: cán dao làm bằng gỗ dài 15cm, được bọc bên ngoài bằng kim loại màu vàng đồng; lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn, một cạnh sắc bén, dài 35cm, màu xám đen, độ rộng lớn nhất lưỡi dao 05cm. Đây là hung khí mà Điều K dùng để chém Điều C gây thương tích. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- 01 cây rút ba khúc bằng kim loại dạng tròn dài 66cm, cán được bọc bằng xốp màu đen dài 23,6m, phần thân bằng kim loại dài 42,4cm, màu trắng bạc; đường kính đầu lớn nhất là 2,5cm, đường kính đầu nhỏ nhất là 1,5cm. Đây là hung khí Điều C dùng để đánh lại Điều K. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- 01 áo sơ mi màu trắng, dài tay, có họa tiết không rõ hình dạng sau lưng áo và 01 quần sọt jean, màu đen, không nhãn hiệu. Đây là tài sản của Điều K, tại phiên tòa Điều K không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) áo thun, tay ngắn, màu đỏ, sọc ngang màu trắng đen, không nhãn hiệu. Đây là tài sản của Điều C, tại phiên tòa Điều C không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra vụ án, bị hại Điều C yêu cầu Điều K bồi thường toàn bộ chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Hiện tại Điều K chưa bồi thường các chi phí trên cho ông Điều C.

Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Tòa án nhân dân huyện H tuyên buộc bị cáo Điều K bồi thường cho ông Điều C theo quy định của pháp luật.

Đối với Điều D thì ông Điều C không yêu cầu bồi thường về vấn đề dân sự nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 15/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Điều K, Điều D về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm của bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Điều K, Điều D phạm tội Cố ý gây thương tích, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Điều K mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Xử phạt Điều D mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Đề nghị HĐXX giải quyết về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án như nội dung đề nghị trong cáo trạng.

Các bị cáo không tranh luận.

Bị hại thống nhất bản cáo trạng truy tố và mức đề xuất hình phạt đối với các bị cáo.

Bị hại vẫn giữ nguyên về mức bồi thường thiệt hại do cơ thể bị xâm phạm gồm các khoản chi phí thuốc điều trị, lao động bị mất, thiệt hại về sức khỏe và

các chi phí khác với số tiền 80.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bị cáo Điều K bồi thường vì Điều K là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại mà không yêu cầu Điều D bồi thường. Bị cáo Điều K đồng ý bồi thường theo như yêu cầu của bị hại.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Điều K, Điều D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như sau: Do bức tức về việc bị ông Điều C trình báo sự việc Điều K đã có hành vi trộm cắp mũ cao su của Nông trại Hoàng T dẫn đến Điều K bị Nông trại Hoàng T đuổi việc nên ngày 04/10/2023 trong lúc ngồi uống rượu với Điều D thì K đã kể lại nội dung sự việc trên cho D nghe và rủ D đi tìm Điều C để đánh thì D đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày 04/10/2023, Điều D điều khiển xe mô tô chở Điều K và mang 01 con dao dài khoảng 50cm, cán dao làm bằng gỗ dạng tròn dài khoảng 15cm được bọc vành kim loại màu vàng đồng bên ngoài, lưỡi dao kim loại dạng bầu, mũi nhọn, dài khoảng 35cm đi tìm Điều C, sau đó K đã dùng dao chém ông Điều C gây thương tích.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 370/KLTTCT-TTPY ngày 07/11/2023 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Điều C tại thời điểm giám định là: 30%.

Hành vi trên của Điều K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Đối với Điều D: Khi nghe Điều K nói chuyện về việc có mâu thuẫn với Điều C nên muốn đi tìm ông C để đánh, mặc dù D với ông C không có mâu thuẫn gì từ trước đó nhưng khi nghe K rủ thì D đồng ý ngay, sau đó D là người điều khiển xe mô tô chạy về nhà D lấy 01 con dao bằng kim loại đưa cho K rồi D điều khiển xe mô tô chở K mang theo con dao đi tìm ông Điều C để đánh. Khi gặp ông C thì K dùng dao chém ông C gây thương tích, còn D chỉ ngồi trên xe mô tô không tham gia trực tiếp chém ông C gây thương tích; tuy không trực tiếp chém ông C gây thương tích nhưng Điều D là người chạy về nhà lấy dao sau đó trực tiếp chở Điều K đi tìm chém ông C gây thương tích 30%. Do đó hành vi của Điều D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với vai trò là đồng phạm của vụ án.

[3] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi các bị cáo biết được việc dùng dao là hung khí nguy hiểm, chém vào người khác là có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cho người khác nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả là gây thương tích cho bị hại C tỷ lệ thương tích 30%. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

[4] Đây là vụ án đồng phạm mà Điều K là người chủ mưu, nguyên nhân là do trước đó Điều K có mâu thuẫn với bị hại C nên bị cáo K mới rủ bị cáo Điều D cùng thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo D đồng ý. Tuy bị cáo D không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng bị cáo D lại là người chuẩn bị công cụ phạm tội là hung khí nguy hiểm để cùng nhau đi gây thương tích cho bị hại C. Sau khi Điều D chuẩn bị công cụ phạm tội thì Điều K là người giữ và là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, hậu quả gây thương tích cho bị hại C thương tích 30% nên bị bị cáo Điều K phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc nhất trong đồng phạm. Bị cáo biết rõ việc dùng dao gây thương tích cho người khác là bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện gây hậu quả nghiêm trọng, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt

tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích và phòng ngừa chung.

Đối với Điều D phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo D là người có nhân thân xấu, có 1 tiền sự về sử dụng trái phép chất ma túy, bị Chủ tịch UBND xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng, bị cáo đã chấp hành xong nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại phạm tội, khi biết Điều K có ý định gây thương tích cho người khác thì không can ngăn mà còn chuẩn bị công cụ cho Điều K phạm tội, thể hiện bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung,

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi thực hiện hành vi, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị xử lý vật chứng như nội dung cáo trạng là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại vẫn giữ nguyên về mức bồi thường thiệt hại do cơ thể bị xâm phạm gồm các khoản chi phí thuốc điều trị, lao động bị mất, thiệt hại về sức khỏe và các chi phí khác với số tiền 80.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bị cáo Điều K bồi thường vì Điều K là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại mà không yêu cầu Điều D bồi thường là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo Điều K cũng đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại Điều C nên cần ghi nhận và căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, Buộc bị cáo Điều K phải bồi thường cho bị hại Điều C số tiền 80.000.000 (Tám

mười triệu) đồng.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Điều K phải chịu theo quy định.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Điều K, Điều D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Điều K mức án 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Điều D mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2023.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 7 Nghị Quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Điều K và bị hại Điều C. Buộc bị cáo Điều K bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Điều C số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Các chi phí khác, kể cả các chi phí phát sinh sau này bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài 50cm, cán dao làm bằng gỗ dài 15cm, được bọc bên ngoài bằng kim loại màu vàng đồng; lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn, một cạnh sắc bén, dài 35cm, màu xám đen, độ rộng lớn nhất lưỡi dao 05cm; 01 cây rút ba khúc bằng kim loại dạng tròn dài 66cm, cán được bọc bằng xốp màu đen dài 23,6m, phần thân bằng kim loại dài 42,4cm, màu trắng bạc; đường kính đầu lớn nhất là 2,5cm, đường kính đầu nhỏ nhất là 1,5cm; 01 áo sơ mi màu trắng, dài tay, có họa tiết không rõ hình dạng sau lưng áo; 01 quần sọt jean, màu đen, không nhãn hiệu; 01 áo thun, tay ngắn, màu đỏ, sọc ngang màu trắng đen, không nhãn hiệu.

(Các vật chứng được mô tả và đã được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản số 0005980 ngày 16/4/2024 giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước).

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Điều K và Điều D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Điều K phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước\;
- Các bị cáo; người bị hại;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)
Nguyễn Đình Học**